

Về lịch sử phát triển mô hình hướng nghiệp nhà trường và chuyên môn tại Pháp

Anne Lancry- Hoest Landt

Viện trưởng

Viện Nghiên cứu Quốc gia về Lao động và Hướng nghiệp, Paris

Trong bài này, chúng tôi điểm lại sự tiến triển chung và mối quan hệ giữa hoàn cảnh kinh tế, sự phát triển của nhà trường có số người đi học phổ thông, đại học ngày càng đông, với các quan niệm nổi bật về tâm lý đã kéo theo các định hướng lý thuyết và phương pháp qua các giai đoạn nhằm hướng tới thực hành chuyên môn riêng biệt của nhà tư vấn hướng nghiệp, của nhà tư vấn hướng nghiệp tâm lý từ khi có trào lưu định hướng và tâm lý học định hướng tại Pháp (1928). Tác động của các lý thuyết thuộc trường phái Anglo-saxông gắn liền với sự phát triển kinh tế xã hội đối với ngành tâm lý học định hướng và tâm lý học lao động.

I. Một vài mốc lịch sử để hiểu rõ sự ra đời và phát triển của trào lưu định hướng.

Nhìn tổng quát mặc dù chưa đầy đủ, ta có thể đưa ra một số điểm quan trọng trong đó sự chi phối và ảnh hưởng lẫn nhau đã đánh dấu sự phát triển của công tác định hướng từ cuối thế kỷ 19.

- Tình hình xã hội và các xã hội.

- ảnh hưởng của các xung đột thế giới
- ý chí chính trị của các chính phủ
- Tác động của các ngành khoa học tới định hướng nghiên cứu, thực hành và đào tạo
- Tác động của các cam kết chính trị tới định hướng nghiên cứu
- Tác động của quan niệm về nhân phẩm trong tâm lý học
- ảnh hưởng các mô hình anglosaxông
- ảnh hưởng của sự phức tạp hoá hệ thống việc làm của các cách tổ chức lao động, của sự kém hiểu biết về lao động
- Vai trò của các cơ cấu liên quan tới nghề định hướng.
- Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cuộc cách mạng công nghệ trao lưu định hướng nổi lên ở châu Âu (ở Đức, Bỉ, Pháp, Thụy sỹ, Anh, Tiệp Khắc) ở Hoa Kỳ, nhất là vào cuối thế kỷ IX đầu thế kỷ X. Cần nhìn rõ trong mối quan tâm chung và đồng thời, tác động của những thay đổi xã hội sâu sắc mà cuộc cách mạng công nghiệp tạo ra. Hai đặc trưng quan trọng đi kèm cuộc cách mạng công nghiệp nhất là ở Pháp gồm:

+ Sự giảm đáng kể tỉ trọng nông nghiệp trong dân số lao động và thậm chí giảm và mất đi một số nghề (thợ thủ công, buôn bán). Điều đó có hậu quả là con cái nông dân không bị bắt buộc và không có khả năng theo nghề của bố mẹ. Con đường của chúng không được định trước. Nếu con trai không còn làm nghề của bố mẹ nữa, vậy phải hướng nó vào nghề gì? Như vậy người ta chuyển từ khái niệm xác định sang khái niệm định hướng và lựa chọn.

+ Sự phát triển công nghiệp và yêu cầu năng xuất kéo theo sự cần thiết đầu tư và tiến bộ kĩ nghệ ngày càng lớn và nhu cầu lao động có tay nghề cao, chuyên môn hoá, như vậy cần đào tạo và học tập. Sự chuyển đổi của xã hội thời công nghiệp đặc trưng

bởi việc sử dụng ban đầu nguồn lao động có tay nghề thấp đối với lực lượng sản xuất. Con người phải thích nghi với lao động trong mọi hoàn cảnh. Tiêu chí cho tai nạn lao động, nghỉ việc, ốm đau trong sản xuất kéo theo tính toán về điều kiện làm việc của con người.

+ Học nghề thủ công mất đi thân phận người công nhân. Nhiều sự kiện nổi bật kèm theo sự đảo lộn này: luật Chapelia (1791) cấm thành lập nghiệp đoàn đã đẩy người công nhân trong tình trạng không có cơ cấu, không có tổ chức và con cái họ rất bấp bênh. Năm 1840, ông Villermé xuất bản cuốn “Bức tranh về tình trạng thể lực, tinh thần của người công nhân”. Bản tổng kết bi thảm về thân phận người công nhân ở thời kì đó. Đó là thời kỳ mà học nghề thủ công đã biến mất trong các xí nghiệp. Những người mới học việc không được các ông chủ và công nhân giỏi đào tạo. Đối với các ông chủ, sa thải hay lấy thêm người học việc mới sẽ tốt hơn là đào tạo người học việc, những công nhân giỏi được trả lương sẽ bị phạt nếu đi cùng với người học việc.

Bộ học chính, Bộ thương mại và công nghiệp. Trường chuyên nghiệp và Trường học Sự ra đời việc dạy kỹ thuật sau cuộc chiến năm 1870 với các trường cao đẳng của nhà nước (trong đó có Học việc Quốc gia về Nghệ thuật và Nghề nghiệp) và tư nhân được nhà nước công nhận (12 trường cao đẳng Thương mại), giảng dạy kỹ thuật Trung cấp (6 trường quốc gia về nghệ thuật về nghề) dạy kỹ thuật sơ cấp, các trường dạy nghề của thành phố Paris. Giảng dạy kỹ thuật đặt dưới chỉ đạo của Bộ Thương mại và Công nghiệp. Bộ Học chính và Mỹ thuật phụ trách các trường sơ đẳng, các ban kỹ thuật của trường sơ cấp cao đẳng và các lớp bổ túc. Tại thời điểm đó, người ta lập ra các trường học nghề thủ công, các lớp dạy chuyên môn trong các trường sơ cấp bổ túc. Từ đó, người ta thấy rõ sự chênh lệch lớn giữa các hình thức dạy vẫn còn ảnh hưởng hưởng đến bây giờ (sau gần 1 thế kỷ). Qua các biểu tượng về lựa chọn việc học, chọn nghề của học sinh với ý tưởng cho rằng các ngành kỹ thuật và chuyên môn sẽ ít có uy tín hơn các ngành truyền thống theo A Caroff (1987, trang 32, “đối với thương mại và công nghiệp, các trường chuẩn bị nghề- trường học nghề). Với học vấn, các trường chuẩn bị cho học tập (trường chuyên môn) sự khác nhau ở chỗ, một mặt, ở mức độ tương đối, thiếu về dạy phổ thông và dạy nghề, mặt khác thiên về khái niệm mang tính vị lợi, giáo dục của việc đào tạo”

Đóng góp khoa học

Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 trên bình diện thế giới, vai trò của tâm lý học rất nổi trội. Trong việc tạo ra các nền tảng khoa học về nghiên cứu định hướng. Wimp (1860) đã lập ra ngành Tâm vật lý. Fechner (1870) đã lập ra ngành tâm lí diện mạo. Điều đó kéo theo sự phát triển các nghiên cứu về các ứng xử, về trí thông minh và khả năng của con người sự phát triển nghiên cứu khoa học tâm lý ở Pháp đã cho ra đời trường thực nàh cao cấp (do Victor Duruy sáng lập năm 1868)

Nhiều phòng thí nghiệm được thiết lập (tâm lý diện mạo, tâm lý thực nghiệm) cộng tác với các bác sĩ, các nhà nghiên cứu tại các bệnh viện tâm thần (Bệnh viện Villeufuif với E Toulouse JM Lahy) với trường Y ở Montpellier với A Imbert, cần ghi nhận rằng các nhà sáng lập ra ngành tâm lý học trong tâm nhìn về sự phát triển của ngành này đã kết hợp các vấn đề liên quan tới cá thể, tới định hướng và lao động.

Năm 1897, Edouard Toulouse, đã viết nhân dịp trình bày công trình của mình trước Hội Tâm lý Y khoa (trong Ghighone. R 1998, trang 20) rằng: “chúng ta dễ dàng hiểu

được ích lợi của học tập và nó cho phép nêu rõ những phẩm chất cần thiết để thành công trong nghề này hay nghề khác, đưa ra cho học sinh tốt nghiệp lời khuyên nhằm tránh những thiên hướng sai lệch, hướng họ vào con đường thành công... Tôi nghĩ rằng trong thời gian tới, chúng ta sẽ biết rõ những cách thức cần thiết cho mỗi nghề và khi ra trường, chúng ta có thể thấy các tiểu ban sư phạm y tế hoạt động và có khả năng chỉ ra cho mỗi người con đường đi của mình. Đây là tương lai xa. Tôi cũng cho rằng chúng ta làm được điều đó- linh tính về phân tích lao động, lựa chọn và hướng nghiệp. M Huteau (2002) trong tác phẩm uyên bác viết về E Toulouse, nhắc lại rằng cùng với A Binet, ông là một trong 2 nhà sáng lập ra ngành tâm lý thực nghiệm tại Pháp và đối với nước Pháp, ông là người khởi xướng chính của trào lưu kỹ thuật Tâm lý và ông luôn tìm cách sửa chữa những lệch lạc. Các nhà sáng lập ra ngành tâm lý học Pháp là những người sáng lập ra trào lưu định hướng và Viện Quốc gia Định hướng nghề INOP thành lập năm 1928 do ba nhà khoa học thay nhau lãnh đạo: J.Fontegne, H Labbé và H Périon). Năm 1939 viện này đổi tên là Viện Quốc gia nghiên cứu về Lao động và Hướng nghiệp (INETOP). A Caroff (1987) chỉ ra rằng các bài dạy đầu tiên của Viện do các giáo sư có tầm cỡ trong ngành đảm nhiệm: Giáo sư H. Laugrer về diện mạo học, GS. Wouolid về kinh tế chính trị, GS. JM Lahy về hướng nghiệp, chọn nghề. GS. H Luc về triết lý hướng nghiệp. Một số nhà thực hành 4 giảng viên cùng làm việc với đội ngũ GS trên. Phòng nghiên cứu đầu tiên của viện trực thuộc phòng thí nghiệm tâm lý của đại học Sorboune do GS. Mathilde Pieron lãnh đạo kế sau là GS. Manice Reuchlin và năm 1962, ông tiếp tục lãnh đạo viện thay giáo sư Francoise Bacher lãnh đạo, và tiếp tục tìm ra các công cụ cần thiết cho công việc của nhà tư vấn (trắc nghiệm năng khiếu, kiến thức, câu hỏi về mối quan tâm).

Đường hướng phân biệt có tính quyết định trong việc đánh giá các cá nhân là lĩnh vực đầu tiên do ngành tâm lý lao động khám phá. Lấy cảm hứng từ các công trình về đánh giá trí tuệ ở trẻ em tâm trí chậm phát triển (Alfred Binet), các phương pháp này được một số nghề. ở Pháp, J.M Lahy cho đăng năm 1913 bài nghiên cứu về “các điều kiện tâm lý về khả năng đánh máy chữ”. Tác giả cùng với S. Pacaud đưa ra một loạt trắc nghiệm lựa chọn cho những người bẻ ghi tàu hoả, lái xe và đánh máy chữ.

Tại Bỉ, O Decroly rất quan tâm đến việc đánh giá, và có ảnh hưởng tới các nhà tâm lý khác như Chris-tiaens, người sáng lập ra Trung tâm Hướng nghiệp tại Bruxelles năm 1939. ở Thụy Sĩ, Claparede đã phát triển công tác hướng nghiệp và chủ trì hội nghị quốc tế đầu tiên về hướng nghiệp tại Genevé năm 1920. (Tâm lý kỹ thuật ứng dụng vào hướng nghiệp). Tại hội nghị này hai giáo sư J.M. Lahy và J Fontege- đại diện nước Pháp. Năm 1922 GS. Claparede đăng bài nghiên cứu nhan đề “Hướng nghiệp- vấn đề và các phương pháp” theo đơn đặt hàng của Tổ chức Lao động Quốc tế. Trước chiến tranh thế giới 1914-1918, chính nghiên cứu về sự khác nhau của các cá thể (tâm trí chậm phát triển- hướng nghiệp) là chủ đề lớn của tâm lý lao động. Chiến tranh thế giới lần thứ I đã thúc đẩy việc đánh giá khả năng và phát triển các phương pháp. Cần lựa chọn hàng ngàn người vào làm các việc nhà binh. Trong thời gian này, việc sản xuất trong các nhà máy vũ khí chủ yếu do phụ nữ đảm nhiệm. Các nghiên cứu về sự mệt mỏi xuất hiện. Giữa hai thế chiến, tại Pháp, người ta đã cố gắng tìm ra các kỹ thuật tuyển chọn.

Hướng nghiệp, nhà trường và các cố vấn hướng nghiệp

Hướng nghiệp được thể chế hoá bằng sắc lệnh năm 1938 liên quan tới học sinh rời ghế nhà trường lúc 14 tuổi. Tuy nhiên người ta quan tâm nhiều tới học sinh nghỉ học

lúc 11 tuổi không phải để đi làm mà giúp chúng vào học phổ thông cơ sở. GS. Henri Pieron (1959) lên tiếng phản đối việc bó hẹp công việc hướng nghiệp vào các nghề lao động chân tay vì nhiều nghề kỹ thuật cần đến trình độ tri thức cao do vậy ông không đối lập định hướng nhà trường và hướng nghiệp, vì thế ông đã chuẩn bị cho nghề tư vấn ở trình độ cao trong ngành đại học.

Thuật ngữ “ định hướng nhà trường và hướng nghiệp” xuất hiện ngày 06/01/1959 trong văn bản Luật Maurice Reuchlin (1959) nhấn mạnh rằng sự phát triển của định hướng nhà trường kèm theo sự phát triển giáo dục phổ thông và bùng nổ dân số sau chiến tranh vấn đề định hướng lại những trẻ em gặp khó khăn.

Cùng với giáo viên và phụ huynh học sinh, theo thời điểm mong muốn, họ phải tổ chức thường xuyên, liên tục các kiểm tra hệ thống về sự phát hiện nhờ các trắc nghiệm tâm lý, kiến thức điều đó cho phép đưa ra các thông tin xác đáng, khác nhau về các nhận xét mang tính sự phạm và đánh giá. Từ tháng 03 năm 1991 các nhà tư vấn hướng nghiệp trở thành nhà tư vấn hướng nghiệp-tâm lý.

Phát triển đồng thời các cơ cấu thông tin, học tập, chuyên môn và nhà trường.

Trào lưu định hướng sẽ không mở rộng được nếu không có sự phát triển đồng thời các cơ cấu thông tin, học tập, chuyên môn và nhà trường. Chúng tôi chỉ kể ra các cơ cấu này mà không đi vào chi tiết. Bạn đọc có thể tra cứu danh sách trong phần phụ lục.

2. Diễn biến tâm lý đi cùng các quan niệm về hướng nghiệp

Lịch sử của hướng nghiệp không tác rời lịch sử của các khoa học nhân văn và xã hội. Trong đó có ngành Tâm lý học và các trường phái của nó. Trong những năm 50, 60 ngành tâm lý học phân biệt ra đời dựa trên quan niệm về nhân phẩm có những thiên hướng khá ổn định. Tổ chức các công cụ định hướng và làm các trắc nghiệm. ở thời kỳ này, những ý tưởng đầu tiên gắn kết khía cạnh tâm lý, giáo dục vào tư vấn hướng nghiệp, giữa thời kỳ chiến tranh lạnh bị những người cộng sản phản đối, không thực hiện được. Rất ngạc nhiên là 20 năm sau, những ý tưởng này thực hiện tại Hoa kỳ và Canada với nền giáo dục định hướng.

Tư vấn hướng nghiệp và khuôn khổ tư tưởng

Chúng ta cần nêu nên yêu cầu của công tác tư vấn hướng nghiệp cũng như khuôn khổ tư tưởng bao trùm công. Công tác tư vấn để hiểu rõ hơn các đặc thù và những khó khăn của công việc này.

Không đi sâu vào chi tiết, cần lưu ý rằng khuôn khổ tư tưởng của hướng nghiệp phát triển đồng thời với lịch sử xã hội, khoa học, kinh tế, lao động và giáo dục. Cách thức mà các xã hội hình thành so với tiến triển về thời gian (quá khứ, hiện tại tương lai) và cách mà các xã hội truyền lại các khái niệm này cũng rất có uy thế.

Hiện giờ, tương lai được coi là không chắc chắn và không ổn định. Thời đại này có nhiều sự gián đoạn, nhiều sự thay đổi, chuyển động, chia cắt, không chỉ đối với công việc mà còn đối với việc hình thành và phát triển vợ chồng, gia đình. Các cá nhân luôn trong tình trạng thay đổi. Rất khó dự đoán diễn biến một nghề từ khi đi làm, ngay cả đối với các cán bộ của các tập đoàn lớn trên thế giới.

Theo Pelletia và Dumora (1984, do Guichiard và Huteau trích dẫn năm 2001) việc lập các dự án lâu dài là không hiện thực do vậy cần học các chiến lược ngắn hạn, có điều chỉnh liên tục và luôn sẵn sàng và phát triển năng lực cho phép mỗi người hiểu rõ mình các cơ hội, đặc tính của môi trường xung quanh. Trong khuôn khổ đó, định

hướng được coi như sự giúp đỡ cho sự thay đổi. Các tác giả đưa ra cách giáo dục có định hướng.

Khái niệm này không đối lập với định nghĩa của tổ chức Khoa học giáo dục văn hoá của Liên Hợp quốc (UNESCO) năm 1970 (do Guichard và HuHau trích dẫn năm 2001).

“Định hướng là làm cho cá nhân nhận thức được các đặc tính của mình và phát triển các đặc tính đó để chọn ngành học và các hoạt động chuyên môn trong mọi hoàn cảnh của đời sống với mong muốn được phục vụ xã hội và phát triển trách nhiệm của mình” và ta thấy rằng đường hướng này đặt con người là chủ thể của định hướng cá nhân bằng cách mở rộng khả năng hoà nhập vào xã hội, vào công ăn việc làm.

Hai khái niệm cơ bản trong quá trình định hướng là:

Tập trung vào con người, vào công việc theo thời gian, chúng có tầm quan trọng, tác động lẫn nhau và có tính cân đối.

Đầu thế kỷ 20, các nhà sáng lập châu Âu (Binet 1908, sau đó là Pieron và Reuchlin) đi sâu vào khái niệm mang tính xã hội toàn **tiên** nếu họ không thấy có sự đối lập giữa việc thoả mãn các nhu cầu xã hội và thoả mãn nhu cầu cá nhân. Theo hướng này, chức năng chính trị, xã hội của định hướng là “đảm bảo sự phân bố lực lượng trong guồng máy xã hội” (R Gal 1955), chức năng định hướng nằm ở giữa các vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ và mối quan hệ của con người với xã hội và ngược lại.

Năm 1909, ở Hoa Kỳ, theo tác giả Parsons, cá thể được đặt ở vị trí hàng đầu, các nhu cầu xã hội ở vị trí thứ 2. Sự lựa chọn nghề tốt kéo theo sự phân khởi, tình yêu lao động. Điều này được thể hiện qua chất lượng sản xuất và trả lương. Điều lí thú cần ghi nhận là chính cuộc cách mạng công nghiệp và sự khẳng định các giá trị bắt nguồn từ đạo Thánh tin lành, từ chủ nghĩa kinh tế tự do làm nổi bật các giá trị tích cực của lao động và quan niệm về lao động như là “sự thể hiện bản thân”. ở đây, ta thấy có sự đối lập giữa quan niệm này và quan niệm coi lao động như sự “cực nhọc” bắt nguồn từ các giá trị của đạo Do thái, Cơ đốc giáo (con người kiếm sống bằng mồ hôi của chính mình). Sự khác biệt này là cơ bản vì nó xác định rõ các hướng học tập khác nhau. Trong tâm lý học lao động chẳng hạn, người ta hay quy chiếu vào sự phân biệt giữa mục đích làm giảm nhẹ các ràng buộc và mục đích phát triển của con người (trong lao động và bằng lao động) chúng ta thấy sự phân biệt này bắt nguồn từ ngành tâm lý định hướng và nó được thể hiện qua sự lựa chọn các phương pháp, các công cụ dựa trên các quan niệm khác nhau về vị trí của con người trong xã hội và trong mối quan hệ con người-xã hội. Những năm 90, ở châu Âu, tập trung vào con người rất có ưu thế trong quan niệm về định hướng nói thể hiện bằng trách nhiệm con người phải tự lập.

Quan niệm này mang tính phương Tây rất rõ. Trong chừng mực nó quy chiếu vào khái niệm của ngành tâm lý xã hội về chuẩn mực “tự lập” (Beanrois và Bubois) họ cho rằng mỗi cá nhân đều tự lập, tự chịu trách nhiệm và có khả năng độc lập so với các diện mạo cụ thể mà cá nhân bị gò vào (Guichard và Huteau 2001).

Sự phát triển cá nhân là cơ bản và theo Guichard và Huteau, sự phát triển ấy có thể tóm tắt bằng giai đoạn “tự lập một mình”. Các cố vấn định hướng nên cảnh giác khi sử dụng các kỹ thuật được xây dựng theo hướng này vì chúng không có ý nghĩa gì đối

với học sinh sống ở các xã hội mà khái niệm phát triển cá nhân không có ý nghĩa hoặc không theo nghĩa hiểu của chúng tôi.

Vấn đề này khá quan trọng trong chừng mực các nhà tư vấn định hướng tâm lý gặp phải những học sinh mới đều nói tiếng Pháp hay những học sinh mới nói tiếng Pháp hay bố mẹ chúng không nói hoặc nói chút ít tiếng Pháp.

Tác giả Chelling (2000) phản đối nét kỳ cục của ngành tâm lý về tư vấn riêng biệt ở Hoa Kỳ và bị đóng khung trong các khẳng định còn dân tộc tự mình là trung tâm nhưng lại cho là mang tính toàn cầu.

Các so sánh xuyên văn hoá nghiên cứu sự sống giống và khác nhau giữa các nền văn hoá đã dùng các mô hình và các khái niệm tâm lý được phát triển. Trong các nước Tây Âu với các đường hướng kiểu “etic” về hiệu quả môi trường và về sự sử dụng các mô hình này đối với các nền văn hoá rất khác nhau. Nhưng coi tư vấn và thực hiện định hướng như mọi sự ứng xử được dạy trong các ngữ cảnh văn hoá phong phú. Trong đó nét dân tộc, loại hình, giai cấp xã hội, tôn giáo và các nét văn hoá khác chi phối lẫn nhau. Các phương pháp kiểu “etic” đặt ra cho chúng ta vấn đề sử dụng các công cụ đã được chuẩn hoá xuất phát từ một mô hình “các phương pháp kiểu “emic” phương pháp định tính được cá thể hoá, đặt ra vấn đề về ý nghĩa của cách diễn ngôn thu thập được theo nguồn gốc văn hoá của nhà tâm lý, nhà nghiên cứu và nhà tư vấn.

Do vậy, cần đề cập đến các vấn đề cơ bản của tư vấn và định hướng như sau: tư vấn và định hướng cho ai, bởi ai, để làm gì và tại sao? Mô hình Bắc Mỹ và Bắc Tây Âu về định hướng và tư vấn có thể dùng cho các nền văn hoá khác không?

Vấn đề lý thú ở đây là tìm ra mối quan hệ giữa các phương pháp tâm lý đến hiện tượng văn hoá và các vấn đề cơ bản chi phối việc phân tích lao động: công việc gì? cho ai? Bởi ai? để làm gì? như thế nào? và khi nào?...

Về xây dựng cá nhân, nhiều nghiên cứu về tâm lý, lao động và tâm lý học xã hội chỉ ra rằng việc tập trung vào hoạt động chuyên môn có ảnh hưởng lớn đến hình thành bản sắc và xây dựng xã hội. Chỉ cần nhìn những khó khăn mà những người bị thất nghiệp từ lâu, những người đi tìm việc, những thanh niên không có trình độ chuyên môn đang phải đương đầu” họ không có chỗ đứng trong xã hội và không có dự định chuyên môn thì mới hiểu được việc làm giữ vị then chốt trong các nước, thậm chí nếu việc làm không gắn liền với ý tưởng tạo ra giá trị, thay đổi bản chất và thực hiện của bản thân” (Möda 1997, theo Guichard và Huteau, 2001), Lao động không còn là tất cả và không được kế thừa theo gia phả mà có thể dẫn tới làm các việc trước đây được coi là của tầng lớp khá giả. Theo Clot (1999) lao động là một trong loại hình quan trọng của đời sống xã hội mà một quốc gia đều cần mà không làm phương hại tới tính bền vững của nó và một chủ thể không được bỏ qua mà không mất đi cảm giác là mình còn có ích cho xã hội. Trên bình diện cá nhân, việc lựa chọn hay ưu tiên một việc làm là một trong những mặt mạnh của bản thân.

3. Đối tượng của tư vấn hướng nghiệp

Đối tượng của tư vấn hướng nghiệp có thể thực hiện trong quá trình đi học, đi làm, quá trình đào tạo sau khi học và quá trình đào tạo chuyên môn. Nó có thể nhận biết được các mối quan tâm, sở thích các năng lực trong lĩnh vực tri thức và thực hành được đăng ký hay không đăng ký trong nhà trường. Trong chuyên môn hiện nay của con người và trong nghiên cứu các điều kiện phát triển và thực tiễn các mối quan tâm, các sở thích trong suốt cuộc đời. Tư vấn hướng nghiệp cần có kiến thức về hình thành

và phát triển, tiến bộ của bản thân, về các ngành học, các phương pháp sư phạm được sử dụng, về các lĩnh vực hoạt động chuyên môn, về mức độ mở rộng và tiến triển và các nghề của lĩnh vực này, về cách tổ chức lao động và tổ chức xã hội.

Nó đòi hỏi thường xuyên cập nhật thông tin thay đổi theo đối tượng, theo phương tiện thông tin được sử dụng, theo thời điểm phát tin, theo đối tác. Chúng ta thấy rằng nhiều bộ môn của các ngành khoa học xã hội đều có liên quan bởi cách đặt vấn đề này với tư cách là đối tượng nghiên cứu xem xét, can thiệp và hành động. Trong số các môn, phương pháp tâm lý và các đóng góp của nó rất quan trọng vì vừa để thiết lập và định giá trị các thực hành chuyên môn cũng nhưng đưa ra một số thực hành mới về phát triển trong lý luận và phương pháp.

Nếu chúng ta trở lại các yếu tố tư tưởng chính đã nói ở trên, ta thấy rằng chúng được thể hiện bằng việc tạo ra các phương pháp, các công cụ tâm lý khác nhau. Nhiều yếu tố được dựa trên quan niệm về con người đặc trưng bởi một số thiên hướng ổn định ở thời kỳ dễ nhận thấy các nghề cần các chức năng, các yêu cầu và năng lực. Dựa vào ngành tâm lý phân biệt sức mạnh của quá trình tư vấn hướng nghiệp xuất phát từ mối liên kết giữa quan niệm xã hội, yếu tố tư tưởng, khung lý thuyết, khái niệm, phương pháp được cụ thể hoá bằng việc tạo ra các công cụ hữu hiệu, đáng tin cậy mà các nhà thực hành sử dụng.

Ngày nay, hoàn cảnh xã hội trên thế giới đang thay đổi, nhiều ngành mới xuất hiện, các yếu tố về tổ chức, thời gian lao động bị pháp vỡ, các công nghệ mới về thông tin và giao tiếp đang làm thay đổi thói quen quan hệ và các nghiên cứu trong tâm lý học nói nhiều về các thuật ngữ: quá trình, năng động- biểu tượng của chủ thể về hoàn cảnh mà họ phát triển. Một số công cụ trước đây không còn hiệu lực, trở nên lạc hậu cần được thay đổi theo các diễn biến mới. Một số kỹ thuật khác trở nên nổi trội hơn nhất là các kỹ thuật sử dụng lời nói và lời tuyên ngôn (các hình thức phỏng vấn khác nhau, bảng hỏi, mức độ quan tâm, năng lực). Từ đó rất khó xác định lời nói của 1 cá nhân so với một nhóm có cá nhân đó tham gia, thông qua 1 số đặc điểm của cá nhân xét về các câu hỏi có hiệu quả khoa học cũng như câu hỏi mang tính đánh giá. Mọi sự diễn ra như thế dưới con mắt của người sử dụng công cụ, nhà tư vấn hướng nghiệp bị mất đi sự thậm định vì một mặt, ông ta không thể thông báo rõ ràng với người khác không phải là chuyên gia, mặt khác khi ông ta sử dụng 1 kỹ thuật thường là phỏng vấn có tính đặc thù mà nhiều người nhầm nghĩ rằng kỹ thuật này ai cũng biết. Ngoài ra, theo quan điểm nhân mạnh tới cá nhân mà sao nhãng các yếu tố khác rất cơ bản của tư vấn: định hướng cho ai ? về cái gì? để làm gì? có thể làm gì? và trong điều kiện nào? biết về người đó không? Điều đó đòi hỏi tư vấn cần hội tụ đủ các kiến thức về 3 mặt sau:

- Con người: định hướng cho ai? Cho những người nào? (trẻ em, người lớn, người có khó khăn về sức khỏe hay bị tàn tật, học sinh hư hay học sinh được đầu tư quá nhiều, nơi lập nghiệp người không nói tiếng Pháp, mới di cư đến .v.v
- Hoạt động của con người: Định hướng về cái gì? nghĩa là hướng vào loại hình xã hội nào? hoà nhập vào xã hội tổ chức nao động ra sao? (ví dụ, 1 hay nhiều nhà sử dụng lao động; thời gian làm việc cố định hay luân phiên cho làm thay thế hay làm việc chính thức, 1 hay nhiều chỗ làm, cách trả lương, kiểu và thời hạn hợp đồng làm việc. Định hướng để làm gì? có thể làm gì? Điều này cần hội tụ các thông tin và các kiến thức về các cơ hội được tạo ra hiện nay (hoặc trong lĩnh vực đào tạo ở trường, đào tạo nghề, đào tạo tại chức, hoặc trong lĩnh vực chuyên môn

- để nhận ra các loại hình việc làm được cung cấp, các điều kiện và quyết định chỗ làm .v.v). Các đặc tính của công việc làm, của hoạt động chuyên môn, các điều kiện hành nghề, các năng lực cần vận dụng, các kết quả mong đợi. Tất cả các mặt này đòi hỏi phải thường xuyên cập nhật thông tin trong mọi lĩnh vực và nếu không có các thông tin. Trong lĩnh vực chuyên môn, cần tìm cách thu thập. Chính vì lẽ đó mà ngành Tâm lý lao động, ngành tổ chức lao động sẽ trợ giúp rất lớn.
- Điều kiện tác nghiệp: trong điều kiện nào? các điều kiện đó có phù hợp với điều mà ta biết về người đó không? cần phải thu thập các số liệu về môi trường quan hệ xã hội, môi trường sống và các phản chỉ định theo đặc tính của con người (xem vấn đề sức khỏe), môi trường tổ chức, các chức năng và hoạt động, các kiểu quan hệ lao động. Ngay cả trong quan niệm về định hướng theo sơ đồ “tự lập”, công tác tư vấn cần có nhiều thông tin mà người yêu cầu không thể biết được.

Kết luận

Lịch sử hướng nghiệp ở Pháp chỉ ra rằng nhiều người, các nhà chính trị, các ý tưởng, các tổ chức, các nghiên cứu đều gắn bó và tương tác ngày càng phức tạp trong khung cảnh giáo dục châu Âu và thế giới trong phân bố và trong chất lượng giáo dục.

Các nhà tư vấn hướng nghiệp- Tâm lý được phân về trường phổ thông và đại học là công chức nhà nước. Toàn bộ khu vực chuyên môn do các nhà chuyên môn đảm nhiệm không phải là công chức- không đóng vai trò là nhà tâm lý. Việc đào tạo chuyên gia rất cần thiết ở một số giai đoạn của tư vấn hướng nghiệp (nhất là trong việc đánh giá các kết quả kinh nghiệm và trong tư vấn để thực hiện quyền cá nhân về đào tạo).

Vậy thì cần tác nhân chuyên môn nào cho định hướng? Trong lúc Việt Nam đang đặt ra các câu hỏi này nhằm đào tạo bậc cao, tạo ra các đội ngũ nghiên cứu nhằm tạo ra nhiều nghề đáp ứng những thách thức của công tác hướng nghiệp, vấn đề này cũng đang được bàn luận ở Pháp.

Phụ lục

Danh sách (chưa đầy đủ) các tổ chức quốc gia liên quan tới trào lưu hướng nghiệp

ACOP-Franco: Hội các nhà tư vấn Tâm lý Hướng nghiệp Pháp

ADRI: Cơ quan phát triển quan hệ liên văn hoá

AFRA: Hội quốc gia đào tạo ngành cho người lớn

ANACT: Cơ quan quốc gia cải thiện điều kiện làm việc

ANPE; Cơ quan phụ trách việc làm quốc gia

APEC: Hội việc làm của cán bộ

BIOP: Văn phòng thông tin- tư vấn nghề

CARIF: trung tâm điều khiển và nguồn thông tin đào tạo

CEDEFOP: Trung tâm châu Âu phát triển đào tạo nghề

CEE: Trung tâm nghiên cứu việc làm

Centre INFFO: Trung tâm phát triển thông tin về đào tạo thường xuyên

CEREQ: Trung tâm nghiên cứu về chất lượng

CIDJ: Trung tâm thông tin tư liệu cho thanh niên

CIEMI: trung tâm thông tin nghiên cứu về di cư quốc tế

CIO: Trung tâm thông tin và định hướng

Cité des Metriers: Khu khoa học và công nghiệp

CLP: Ban liên lạc giúp người di cư và người gặp khó khăn hoà nhập vào xã hội

CNAM: Trung tâm tư liệu về đào tạo và việc làm

CNFDFF: Trung tâm quốc gia về hành chính

CNML: Trung tâm tư liệu về phụ nữ và gia đình

CPC: Hội đồng quốc gia về công tác địa phương

CTNERHI: Ban tư vấn nghề

DAFCO: Trung tâm kỹ thuật quốc gia nghiên cứu về tàn tật và không thích ứng

DIJ: Vụ đào tạo tại chức

EWA: Tổ chức liên bộ giúp thanh niên hoà nhập

FAS: Mạng lưới châu Âu về hướng nghiệp và đào tạo phụ nữ

GFC,BTP: Quỹ hoạt động xã hội cho người nhập cư và gia đình

GPLI: Ban chuyên trách đào tạo tại chức trong các ngành công nghiệp xây dựng và công trình công cộng

HCFP: Ban thường trực đấu tranh chống mù chữ

INETOP: Viện Nghiên cứu Quốc gia về Lao động và Hướng nghiệp

INRP: Viện nghiên cứu Sư phạm Quốc gia

Inter MIF: Nhà thông tin về đào tạo thanh niên doanh nghiệp

Công báo: Cơ quan công báo của cộng đồng châu Âu

ONISEP: Cơ quan quốc gia thông tin về giảng dạy và đào tạo

ORAVEP: Viện nghiên cứu tạo nguồn cho đào tạo

UINM: Liên hiệp công nghiệp mỏ